

định của Luật Bảo vệ môi trường, đầu tư và đầu tư công trong giai đoạn xin chấp thuận chủ trương đầu tư.

4.5. Pháp luật về xây dựng:

Theo báo cáo thuyết minh nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng dự án, toàn bộ các loại móng cột thép đều được tính toán theo tiêu chuẩn và quy trình quy phạm Việt Nam:

- Tiêu chuẩn thiết kế nền, nhà và công trình TCVN 9362:2012.
- Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 5574:2012.
- Tiêu chuẩn tải trọng và tác động TCVN 2737-1995.
- Chỉ tiêu cơ lý của các lớp đất theo báo cáo khảo sát.
- Tổ hợp tải trọng truyền xuống móng, theo kết quả tính cột.
- Nghị định 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.
- Quy chuẩn xây dựng Việt Nam về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2008/BXD
- Quy chuẩn quốc gia về điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng ban hành kèm theo thông tư số 29/2009/TT-BXD ngày 14/8/2009 của Bộ Xây dựng QCVN 02:2009/BXD.

4.6. Pháp luật về lâm nghiệp:

a) Về tiêu chí xác định dự án được chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 41a, được sửa đổi bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ. Cụ thể:

- Về tính cấp thiết đầu tư dự án: Dự án đường dây 500kV Quảng Trạch - Quỳnh Lưu thuộc Hệ thống Truyền tải điện 500kV đã được đưa vào Danh mục công trình quan trọng liên quan đến nằm trong danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định tại Quyết định số 1944/QĐ-TTg ngày 04/12/2017; thuộc danh mục các dự án nguồn và hệ thống truyền tải điện đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, ưu tiên đầu tư của ngành điện, thuộc danh mục và tiến độ các dự án nguồn và lưới điện quan trọng, ưu tiên đầu tư của ngành điện (mục 14 Bảng 9) kèm theo Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 (Quy hoạch điện VIII).

- Đề xuất dự án đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư: Dự án đã được lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng; có ý kiến thẩm định của các Bộ ngành liên quan, tổng hợp ý kiến thẩm định chủ trương đầu tư của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại các Văn bản số 6945/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 29/9/2022 về việc hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đường

dây 500kV Quảng Trạch-Quỳnh Lưu; Văn bản số 3864/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 24/5/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hồ sơ Dự án Đường dây 500kV Quảng Trạch-Quỳnh Lưu; Tổng công ty truyền tải điện Quốc gia đã có Văn bản số 2515/EVNNPT-ĐT+KH+TCKT ngày 26/6/2023 của về việc hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đường dây 500kV Quảng Trạch - Quỳnh Lưu (có Phụ lục giải trình các ý kiến thẩm định của các Bộ ngành và UBND các tỉnh kèm theo), trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Về sự phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch (nội dung cụ thể được nêu tại mục 5.1 Tờ trình này).

- Về tính bắt buộc phải thực hiện trên diện tích đất có rừng tự nhiên: Nội dung cụ thể được nêu tại mục 8 Tờ trình này.

- Dự án không nằm trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng: Toàn bộ diện tích rừng tự nhiên đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án tại khoảnh 1 - Tiểu khu 150, xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình; thuộc quy hoạch rừng sản xuất đã được UBND tỉnh Quảng Bình phê duyệt tại các Quyết định số 3581/QĐ-UBND ngày 16/12/2022; Quyết định số 4534/QĐ-UBND ngày 25/12/2018.

- Về phương án trồng rừng thay thế theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 83/2020/NĐ-CP (tiết 5 điểm b khoản 3 Điều 41a bổ sung) và điểm b khoản 3 Điều 4 Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, thì việc chấp thuận phương án nộp tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh thực hiện sau khi được cấp thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. Vì vậy, để tuân thủ việc thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế, Ban Quản lý dự án các công trình điện miền Trung đã có Phương án trồng rừng trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng để thực hiện Dự án đường dây 500kV Quảng Trạch - Quỳnh Lưu (trên địa bàn tỉnh Quảng Bình). Trong đó, Ban Quản lý dự án các công trình điện miền Trung đã lập phương án trồng rừng thay thế theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp và sẽ thực hiện nghĩa vụ trồng rừng thay thế sau khi được cấp thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng (có Phương án số 4411/CPMB-PTĐ+PĐB ngày 26/6/2023 của Ban Quản lý dự án các công trình điện miền Trung về trồng rừng trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng để thực hiện Dự án đường dây 500kV Quảng Trạch - Quỳnh Lưu - trên địa bàn tỉnh Quảng Bình kèm theo).

b) Thành phần hồ sơ trình quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 41 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp, được sửa đổi bổ sung tại khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ, cụ thể: ✓

- Văn bản đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng: Tờ trình số 4369/TTr-CPMB ngày 24/6/2023 của Ban quản lý dự án các công trình điện miền Trung.

- Hồ sơ chủ trương đầu tư dự án:

+ Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi xây dựng dự án Đường dây 500kV Quảng Trạch - Quỳnh Lưu (gồm 4 tập).

+ Văn bản thẩm định chủ trương đầu tư dự án: Văn bản số 6945/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 29/9/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đường dây 500kV Quảng Trạch - Quỳnh Lưu; Văn bản số 3864/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 24/5/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hồ sơ Dự án Đường dây 500kV Quảng Trạch - Quỳnh Lưu.

+ Văn bản số 2515/EVNNPT-ĐT+KH+TCKT ngày 26/6/2023 của Tổng công ty truyền tải điện Quốc gia về việc hoàn thiện hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đường dây 500kV Quảng Trạch - Quỳnh Lưu (có Phụ lục giải trình các ý kiến thẩm định của các Bộ ngành và UBND các tỉnh kèm theo).

- Tài liệu về đánh giá tác động môi trường: Báo cáo đánh giá sơ bộ tác động môi trường do đơn vị tư vấn Liên danh Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 (PECC1) - Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 2 (PECC2) lập tháng 4/2023.

- Báo cáo thuyết minh, bản đồ hiện trạng rừng (tỷ lệ bản đồ 1/2.000), kết quả điều tra rừng khu vực đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án Đường dây 500kV Quảng Trạch - Quỳnh Lưu do Viện Khoa học Lâm nghiệp Nam Bộ lập.

5. Sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch lâm nghiệp quốc gia theo quy định của pháp luật về quy hoạch

5.1. Sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất:

- Về quy hoạch sử dụng đất: Dự án phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Quảng Trạch đã được UBND tỉnh Quảng Bình phê duyệt tại Quyết định số 407/QĐ-UBND ngày 01/3/2023 (Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình đã có Văn bản số 1251/UBND-KT ngày 26/6/2023 về việc đánh giá sự phù hợp của Dự án Đường dây 500kV Quảng Trạch - Quỳnh Lưu với quy hoạch tỉnh, quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Quảng Trạch).

- Về kế hoạch sử dụng đất:

Kế hoạch sử dụng đất của Dự án, UBND huyện Quảng Trạch đã có Văn bản số 828/UBND-TNMT ngày 29/6/2023 đăng ký, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Quảng Trạch theo quy định. Trong đó, diện tích đăng ký phân bổ cho Dự án đường dây 500kV Quảng Trạch - Quỳnh Lưu, đoạn tuyến qua địa bàn huyện Quảng Trạch là 2,60 ha; phù hợp diện tích thực hiện dự án (phần diện tích móng trụ) với diện tích 2,6031 ha; cơ quan chức năng đang hoàn thành thủ tục trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Do tính cấp thiết của Dự án, Ban quản lý dự án các công trình điện miền Trung đề nghị cho thực hiện trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch sử dụng đất của Dự án đồng thời việc trình thẩm định, phê duyệt hồ sơ chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; bổ sung kế hoạch sử dụng đất trước khi trình cấp có thẩm quyền quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng theo quy định.

5.2. Sự phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp quốc gia:

Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội: “*Quy hoạch quy định tại điểm c khoản 1 Điều 59 của Luật Quy hoạch đã được quyết định hoặc phê duyệt trước ngày 01 tháng 01 năm 2019 được tiếp tục thực hiện, kéo dài thời kỳ và điều chỉnh nội dung theo quy định của pháp luật có liên quan trước ngày Luật Quy hoạch có hiệu lực thi hành cho đến khi quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030 theo Luật Quy hoạch được quyết định hoặc phê duyệt*”.

Hiện nay, Quy hoạch tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 12/4/2023 (gọi tắt là Quyết định số 377/QĐ-TTg). Trong đó, tại Phụ lục VI (Phần ghi chú) của Quyết định trên có nêu: “*Việc đầu tư xây dựng các trạm biến áp và tuyến đường dây 500kV và 220kV phải căn cứ vào Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch liên quan đến cấp có thẩm quyền phê duyệt*”. Như vậy, đối với dự án Đường dây 500kV Quảng Trạch - Quỳnh Lưu đã được cập nhật trong các quy hoạch liên quan, cụ thể:

- Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ (cụ thể tại danh mục các dự án nguồn và hệ thống truyền tải điện đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, ưu tiên đầu tư của ngành điện, thuộc danh mục và tiến độ các dự án nguồn và lưới điện quan trọng, ưu tiên đầu tư của ngành điện - mục 14 Bảng 9 kèm theo Quyết định).

- Dự án phù hợp quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 đã được UBND tỉnh Quảng Bình phê duyệt tại Quyết định số 407/QĐ-UBND ngày 01/3/2023.

Theo Bản đồ Phương án quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, tỉnh Quảng Bình đã được phê duyệt tại Quyết định số 377/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 đã được phê duyệt tại Quyết định số 407/QĐ-UBND ngày 01/3/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình thì diện tích thực hiện Dự án có hiện trạng là đất rừng sản xuất.

Như vậy, Dự án đường dây 500kV Quảng Trạch - Quỳnh Lưu phù hợp với quy hoạch tỉnh, quy hoạch lâm nghiệp.

6. Hiệu quả kinh tế - xã hội:

Năng lượng điện đóng một vai trò hết sức quan trọng trong việc phát triển

các ngành kinh tế quốc dân cũng như toàn xã hội. Năng lượng điện là một trong những yếu tố đầu vào quan trọng nhất trong quá trình hình thành và tiêu thụ nhiều loại hàng hoá khác nhau từ nông nghiệp, các mặt hàng thủ công, đến các mặt hàng có chất lượng và kỹ thuật cao. Điện năng không thể thiếu được trong các vùng của các quốc gia khác nhau.

Để thực hiện chủ trương chính sách của Đảng, công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, ngành Điện luôn phải đi trước một bước trong nền kinh tế quốc dân. Việc cung cấp điện an toàn và đảm bảo chất lượng cho các phụ tải có một ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội. Đây chính là yếu tố kinh tế xã hội của dự án.

7. Kết quả về đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đầu tư, đầu tư công:

Tài liệu về đánh giá tác động môi trường của Dự án trong giai đoạn xin chấp thuận chủ trương đầu tư đánh giá sơ bộ tác động môi trường. Trong đó, nội dung Báo cáo đã đánh giá sự phù hợp của địa điểm thực hiện dự án; nhận dạng, dự báo các tác động môi trường chính của dự án; nhận diện các yếu tố nhạy cảm về môi trường của khu vực thực hiện dự án; phân tích, đánh giá, lựa chọn phương án về quy mô, công nghệ sản xuất, địa điểm thực hiện dự án; biện pháp giảm thiểu tác động môi trường; các vấn đề môi trường chính và phạm vi tác động cần lưu ý trong quá trình thực hiện ĐTM đã được Liên danh Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 (PECC1) - Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 2 (PECC2) lập cho dự án đường dây 500kV Quảng Trạch - Quỳnh Lưu. Các tác động của công trình ảnh hưởng đến môi trường, xã hội cũng như các biện pháp để giảm thiểu tác động đã được đánh giá sơ bộ. Trong quá trình thi công, chủ đầu tư đảm bảo thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

8. Xác định dự án bắt buộc phải thực hiện trên diện tích có rừng tự nhiên do không thể bố trí diện tích đất khác:

Theo báo cáo của Ban Quản lý dự án các công trình điện miền Trung tại Công văn số 4559/CPMB-PTĐ ngày 29/6/2023, trong quá trình kiểm tra, khảo sát để thống nhất hướng tuyến đã được các Sở, ngành, đơn vị và địa phương có tuyến đường dây đi qua thống nhất hướng tuyến đường dây và đã được UBND tỉnh Quảng Bình thỏa thuận vị trí tại Văn bản số 308/UBND-KT ngày 03/3/2023 của UBND tỉnh về việc thỏa thuận phương án hướng tuyến đường dây 500kV Quảng Trạch - Quỳnh Lưu đoạn qua địa bàn tỉnh Quảng Bình. Đây là hướng tuyến tối ưu nhất, có chiều dài tuyến ngắn nhất, không đi qua đất quốc phòng, không đi qua rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và hạn chế tối đa đi qua công trình dân dụng. Việc hướng tuyến đường dây đi qua rừng tự nhiên là không thể tránh khỏi, ngoài các giải pháp kỹ thuật hạn chế tối đa ảnh hưởng đến rừng tự nhiên thì cần phải chuyển đổi một số diện tích rừng tự nhiên để xây dựng công trình. Vì vậy, dự án này bắt buộc phải thực hiện trên một phần diện tích rừng tự nhiên do không thể bố trí trên diện tích khác. ✓

9. Đề xuất, kiến nghị:

Trên cơ sở các nội dung nêu trên, để có căn cứ triển khai theo đúng quy định của pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện Dự án Đường dây 500kV Quảng Trạch - Quỳnh Lưu (đoạn đi qua địa bàn tỉnh Quảng Bình) với diện tích rừng là 2,5247 ha (gồm: 2,259 ha rừng trồng, 0,2657 ha rừng tự nhiên) thuộc quy hoạch rừng sản xuất, tại xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

(Có các hồ sơ, văn bản liên quan gửi kèm Tờ trình này).

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình kính trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, CVNN.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đoàn Ngọc Lâm

CHI TIẾT BIÊN DẠ
TỔNG DỊCH SỬ DỤNG
Akem theo To-m

Àcèm theo Tờ trình số: 443/ TT-UBND ngày 19 / 7 / 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình

Àcèm theo Tờ trình số: 443/ TT-UBND ngày 19 / 7 / 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình

Đơn vị hành chính	Địa danh			Diện tích thực dự án (ha)	Diện tích có rừng đề nghị quyết định chủ trương CMBSD	Loại rừng				Diện tích không có rừng và đất khác	Tổng lượng (rừng tự nhiên)		Loại cây trồng (rừng trồng)		
	Tiểu khu	Khoảnh	Lô			Rừng tự nhiên (thuộc quy hoạch sản xuất)	Rừng trồng	Phân theo Quy hoạch 3 loại rừng (theo Quyết định số 4534/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Bình)			Bình quân (m ³ /ha)	Tổng (m ³)			
								Quy hoạch rừng sản xuất	Ngoài quy hoạch 3 loại rừng						
Xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch	2 TK	3 Kh	16 lô	2,6031	2,5247	0,2657	2,259	2,259		0,0784	7,71	2,05			
		2 Kh	14 lô	2,5247	0,2657	2,259	2,259		7,71	2,05					
		1	13 lô	2,4037	0,2657	2,138	2,138		7,71	2,05					
		1		0,1533		0,1533	0,1533						Bạch đàn		
		2		0,1947		0,1947	0,1947				7,71	1,12		Thông	
		3		0,1452	0,1452									Thông	
		4		0,0494	0,0494		0,0494	0,0494				7,71	0,93		Thông
		5		0,1205	0,1205	0,1205									Thông
		6		0,1088	0,1088		0,1088	0,1088							Thông
		7		0,231	0,231		0,231	0,231							Bạch đàn
		9		0,2793	0,2793		0,2793	0,2793							Bạch đàn
		10		0,3027	0,3027		0,3027	0,3027							Bạch đàn
		13		0,179	0,179		0,179	0,179							Bạch đàn
		15		0,2999	0,2999		0,2999	0,2999							Bạch đàn
		17		0,0948	0,0948		0,0948	0,0948							Bạch đàn
		18		0,2451	0,2451		0,2451	0,2451							Bạch đàn

Đơn vị hành chính	Địa danh		Diện tích thực dự án (ha)	Diện tích có rừng để nghị quyết định chủ trương CMĐSD	Loại rừng			Trữ lượng (rừng tự nhiên)		Loại cây trồng (rừng trồng)
					Rừng tự nhiên (thuộc quy hoạch sản xuất)	Rừng trồng	Phân theo Quy hoạch 3 loại rừng (theo Quyết định số 4534/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Bình)	Bình quân (m³/ha)	Tổng (m³)	
Xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch	Tiểu khu 150	Khoảnh 2	Lô 18	0,2451		0,2451	Quy hoạch rừng sản xuất 0,2451			Bạch đàn
			Lô 1	0,121		0,121	0,121			
			Lô 2	0,121		0,121	0,121			Bạch đàn
	NTK	1	Lô 1	0,0784				0,0784		
			Lô 2	0,0784				0,0784		
			Lô 3	0,0627				0,0627		
			Lô 4	0,0157				0,0157		
			Lô 5							

**BỘ TỔNG THAM MƯU
CỤC TÁC CHIẾN**

Số: 256 /TC-QC

V/v chấp thuận độ cao tĩnh không
đường dây thuộc Dự án đường dây
500kv Quảng Trạch - Quỳnh Lưu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2023

Kính gửi: Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 2.
(Đ/c: Tòa nhà PECC2 Innovation Hub, số 45, đường số 2,
phường Trường Thọ, tp Thủ Đức, Tp. HCM)

Cục Tác chiến nhận được Công văn số 2505/PECC2-TLĐ ngày 17/7/2023 của Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 2 về việc đề nghị chấp thuận độ cao tĩnh không di dời đường dây điện cao thế thuộc Dự án đường dây 500kv Quảng Trạch - Quỳnh Lưu đi qua: Các huyện Kỳ Anh, Cẩm Xuyên, Thạch Hà, Vũ Quang, Can Lộc, Hương Khê, Đức Thọ, Hương Sơn và Thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh; huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình; các huyện Nam Đàn, Nghi Lộc, Diễn Châu, Yên Thành, Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Căn cứ Nghị định của Chính phủ: Số 01/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng; số 32/2016/NĐ-CP ngày 06/5/2016 về quản lý độ cao chương ngại vật hàng không và trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam; Cục Tác chiến có ý kiến như sau:

1. Về mặt quản lý vùng trời, quản lý bay và quản lý chương ngại vật hàng không: Đồng ý chấp thuận độ cao tĩnh không xây dựng công trình nêu trên, với các thông số kỹ thuật (Phụ lục kèm theo).

2. Về mặt cảnh báo hàng không: Công trình được thực hiện cảnh báo hàng không theo quy định tại Điều 16/Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 và Nghị định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21/4/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện.

3. Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 2 liên hệ với Bộ chỉ huy quân sự các tỉnh: Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và các cơ quan, đơn vị trên địa bàn để giải quyết các vấn đề liên quan, kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ phát triển kinh tế với quốc phòng, bảo đảm đúng quy định của pháp luật, những vấn đề vượt quá thẩm quyền, gửi văn bản về Cục Tác chiến để giải quyết./. *KG*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Tham mưu PK-KQ;
- Bộ CHQS tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình;
- Lưu: VT, PQC. C08.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Thiếu tướng Trần Văn Xô

Phụ lục

DỰ ÁN ĐƯỜNG DÂY 500kV QUẢNG TRẠCH – QUỲNH LƯU

(Kèm theo Công văn số: 256 /TC-QC ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Cục Tác chiến)

STT	Số hiệu cột	Hệ tọa độ VN2000 L=105°00', múi chiều 6°		Tọa độ trắc địa		Cao độ mặt đất tự nhiên tại các vị trí đặt cột (m)	Chiều cao các cột điện trong khoảng néo	Ghi chú
		X(m)	Y(m)	B (°'")	L (°'")			
I. Dãi dôi DZ 500kV Quảng Trạch - Vũng Áng								
1	T1A	1985230,400	656836,930	17°56'58"	106°28'51"	5,54	Các cột điện có chiều cao từ 56m - 80m	
2	T1B	1985414,880	656645,710	17°57'04"	106°28'45"	44,22		
3	T1C	1985436,220	656456,000	17°57'05"	106°28'39"	62,28		
II. Dãi dôi DZ 500kV Quảng Trạch - Dốc Sỏi								
1	T1 hiện hữu						Các cột điện có chiều cao từ 52m - 92m	
2	T2A	1985364,860	656547,470	17°57'03"	106°28'42"	34,02		
3	T3 hiện hữu							
III. DZ 500kV Quảng Trạch - Quỳnh Lưu								
1	T1	1985126,540	656961,090	17°56'55"	106°28'56"	5,45	52	Điểm đầu *
Các vị trí trụ trung gian bố trí dọc theo hướng tuyến từ T1 - T2 hiện hữu						Các cột điện đặt tại mặt đất tự nhiên có cao độ từ 4,02m - 5,45m	Các cột điện có chiều cao từ 52m - 60m	
2	T2 hiện hữu	1985118,860	656829,780	17°56'55"	106°28'51"	4,02	52	G1A
Các vị trí trụ trung gian bố trí dọc theo hướng tuyến từ T2 hiện hữu - T4						Các cột điện đặt tại mặt đất tự nhiên có cao độ từ 4,02m - 17,72m	Các cột điện có chiều cao từ 24m - 67m	
3	T4	1985264,190	656441,750	17°56'60"	106°28'38"	17,72	24	G1B
Các vị trí trụ trung gian bố trí dọc theo hướng tuyến từ T4 - T5						Các cột điện đặt tại mặt đất tự nhiên có cao độ từ 17,72m - 139,71m	Các cột điện có chiều cao từ 24m - 96m	
4	T5	1985398,680	656400,250	17°57'04"	106°28'37"	58,82	24	G1C
Các vị trí trụ trung gian bố trí dọc theo hướng tuyến từ T5 - T9						Các cột điện đặt tại mặt đất tự nhiên có cao độ từ 58,82m - 139,71m	Các cột điện có chiều cao từ 24m - 96m	
5	T9	1986082,430	655552,160	17°57'26"	106°28'08"	135,03	88	G2A

STT	Số hiệu cột	Hệ tọa độ VN2000		Tọa độ ước địa		Cao độ mặt đất tự nhiên tại các vị trí đặt cột (m)	Chiều cao các cột điện trong khoảng neo	Ghi chú
		$L=105^{\circ}00'$, múi chiếu 6°		$B(^{\circ})$	$L(^{\circ})$			
		X(m)	Y(m)					
	Các vị trí trụ trung gian bố trí dọc theo hướng tuyến từ T9 - T14					Các cột điện đặt tại mặt đất tự nhiên có cao độ từ 32,73m - 135,03m	Các cột điện có chiều cao từ 70m - 118m	G3A
6	T14	1986593,820	653128,720	17°57'44"	106°26'46"	126,68	70	
	Các vị trí trụ trung gian bố trí dọc theo hướng tuyến từ T14 - T22					Các cột điện đặt tại mặt đất tự nhiên có cao độ từ 126,68m - 581,34m	Các cột điện có chiều cao từ 70m - 106m	
7	T22	1989069,750	652017,610	17°59'05"	106°26'09"	338,34	74	G4A
	Các vị trí trụ trung gian bố trí dọc theo hướng tuyến từ T22 - T30					Các cột điện đặt tại mặt đất tự nhiên có cao độ từ 206,58m - 667,29m	Các cột điện có chiều cao từ 72m - 106m	
8	T30	1989406,410	648068,780	17°59'16"	106°23'55"	667,29	84	G5
	Các vị trí trụ trung gian bố trí dọc theo hướng tuyến từ T30 - T36					Các cột điện đặt tại mặt đất tự nhiên có cao độ từ 384,43m - 667,29m	Các cột điện có chiều cao từ 74m - 98m	
9	T36	1989913,130	644938,960	17°59'34"	106°22'08"	575,4	84	G6
	Các vị trí trụ trung gian bố trí dọc theo hướng tuyến từ T36 - T44					Các cột điện đặt tại mặt đất tự nhiên có cao độ từ 298,4m - 575,4m	Các cột điện có chiều cao từ 66m - 96m	
10	T44	1991324,900	640905,540	18°00'21"	106°19'51"	298,4	84	G7
	Các vị trí trụ trung gian bố trí dọc theo hướng tuyến từ T44 - T54					Các cột điện đặt tại mặt đất tự nhiên có cao độ từ 161,7m - 550,87m	Các cột điện có chiều cao từ 59m - 103m	
11	T54	1990966,050	636307,780	18°00'10"	106°17'15"	161,7	60	G7A
	Các vị trí trụ trung gian bố trí dọc theo hướng tuyến từ T54 - T57					Các cột điện đặt tại mặt đất tự nhiên có cao độ từ 98,91m - 161,7m	Các cột điện có chiều cao từ 60m - 87m	
12	T57	1991968,820	633300,210	18°00'43"	106°16'41"	98,91	68	G7B
	Các vị trí trụ trung gian bố trí dọc theo hướng tuyến từ T57 - T58					Các cột điện đặt tại mặt đất tự nhiên có cao độ từ 98,91m - 155,1m	Các cột điện có chiều cao từ 68m - 80m	
13	T58	1992661,780	635087,040	18°01'05"	106°16'34"	155,1	72	G8
	Các vị trí trụ trung gian bố trí dọc theo hướng tuyến từ T58 - T59					Các cột điện đặt tại mặt đất tự nhiên có cao độ từ 16,25m - 155,1m	Các cột điện có chiều cao từ 72m - 92m	
14	T59	1993647,770	634942,020	18°01'38"	106°16'29"	16,25	84	G8A

STT	Số hiệu cột	Hệ tọa độ VN2000 L=105°00', múi chiều 6°		Tọa độ trắc địa		Cao độ mặt đất tự nhiên tại các vị trí đặt cột (m)	Chiều cao các cột điện trong khoảng neo	Ghi chú
		X(m)	Y(m)	B (°'")	L (°'")			
		Các vị trí trụ trung gian bố trí dọc theo hướng tuyến từ T59 - T62					Các cột điện có chiều cao từ 56m - 92m	
15	T62	1994117,530	633210,570	18°01'53"	106°15'31"	141,6	56	G9
		Các vị trí trụ trung gian bố trí dọc theo hướng tuyến từ T62 - T68					Các cột điện có chiều cao từ 52m - 87m	
16	T68	1994551,030	630441,870	18°02'08"	106°13'56"	141,6	52	G10
		Các vị trí trụ trung gian bố trí dọc theo hướng tuyến từ T68 - T82					Các cột điện có chiều cao từ 50m - 87m	
17	T82	1999591,470	627471,630	18°04'53"	106°12'17"	68,3 210,39m	68	G11
		Các vị trí trụ trung gian bố trí dọc theo hướng tuyến từ T82 - T92					Các cột điện có chiều cao từ 54m - 95m	
18	T92	2003935,080	626616,930	18°07'14"	106°11'48"	71,77 210,39m	80	G11A
		Các vị trí trụ trung gian bố trí dọc theo hướng tuyến từ T92 - T94					Các cột điện có chiều cao từ 52m - 88m	
19	T94	2004445,920	626151,740	18°07'31"	106°11'33"	42,54 71,77m	52	G12 new
		Các vị trí trụ trung gian bố trí dọc theo hướng tuyến từ T94 - T97					Các cột điện có chiều cao từ 52m - 72m	
20	T97	2005552,970	626275,590	18°08'07"	106°11'37"	29,62 42,54m	64	G12A
		Các vị trí trụ trung gian bố trí dọc theo hướng tuyến từ T97 - T102					Các cột điện có chiều cao từ 60m - 81m	
21	T102	2007554,150	626091,200	18°09'12"	106°11'31"	154,75 154,75m	60	G12B
		Các vị trí trụ trung gian bố trí dọc theo hướng tuyến từ T102 - T103					Các cột điện có chiều cao từ 60m - 68m	
22	T103	2007909,400	625950,090	18°09'23"	106°11'27"	151,44 154,75m	60	G12B'
		Các vị trí trụ trung gian bố trí dọc theo hướng tuyến từ T103 - T106					Các cột điện có chiều cao từ 56m - 85m	
23	T106	2009106,410	624978,390	18°10'03"	106°10'54"	25,25 151,44m	56	G13

STT	Số hiệu cột	Hệ tọa độ VN2000		Tọa độ tước địa		Cao độ mặt đất tự nhiên tại các vị trí đặt cột (m)	Chiều cao các cột điện trong khoảng neo	Ghi chú
		$L = 105^{\circ}00'$, múi chiều 6°	$X(m)$	$Y(m)$	$B (^{\circ})$	$L (^{\circ})$		
24	T117	2009123,390	619344,020	18°10'04"	106°07'42"	Các cột điện đặt tại mặt đất tự nhiên có cao độ từ 25,25m - 93,11m 32,33	Các cột điện có chiều cao từ 56m - 97m 64	G14
	Các vị trí trụ trung gian bố trí dọc theo hướng tuyến từ T106 - T117							
25	T121	2009834,550	617150,940	18°10'28"	106°06'28"	Các cột điện đặt tại mặt đất tự nhiên có cao độ từ 29,94m - 89,49m 89,49	Các cột điện có chiều cao từ 64m - 85m 68	G15
	Các vị trí trụ trung gian bố trí dọc theo hướng tuyến từ T121 - T124							
26	T124	2009989,830	615430,080	18°10'33"	106°05'29"	Các cột điện đặt tại mặt đất tự nhiên có cao độ từ 10,08m - 89,49m 10,08	Các cột điện có chiều cao từ 60m - 97m 60	G15A
	Các vị trí trụ trung gian bố trí dọc theo hướng tuyến từ T124 - T126							
27	T126	2009798,780	614734,680	18°10'27"	106°05'05"	Các cột điện đặt tại mặt đất tự nhiên có cao độ từ 10,08m - 14,92m 10,68	Các cột điện có chiều cao từ 60m - 73m 60	G16
	Các vị trí trụ trung gian bố trí dọc theo hướng tuyến từ T126 - T138							
28	T138	2011263,310	608542,840	18°11'16"	106°01'35"	Các cột điện đặt tại mặt đất tự nhiên có cao độ từ 24m - 114,38m 46,31	Các cột điện có chiều cao từ 52m - 91m 52	G17
	Các vị trí trụ trung gian bố trí dọc theo hướng tuyến từ T138 - T146							
29	T146	2012999,260	605359,190	18°12'13"	105°59'47"	Các cột điện đặt tại mặt đất tự nhiên có cao độ từ 24m - 114,38m 25,33	Các cột điện có chiều cao từ 68m - 76m 68	G18
	Các vị trí trụ trung gian bố trí dọc theo hướng tuyến từ T146 - T152							
30	T152	2011335,160	602690,360	18°11'19"	105°58'16"	Các cột điện đặt tại mặt đất tự nhiên có cao độ từ 25,33m - 238,02m 238,02	Các cột điện có chiều cao từ 54m - 76m 68	G19
	Các vị trí trụ trung gian bố trí dọc theo hướng tuyến từ T152 - T155							
31	T155	2012181,600	601308,300	18°11'47"	105°57'29"	Các cột điện đặt tại mặt đất tự nhiên có cao độ từ 36,3m - 238,02m 36,3	Các cột điện có chiều cao từ 68m - 95m 72	G20
	Các vị trí trụ trung gian bố trí dọc theo hướng tuyến từ T155 - T164							
32	T164	2016324,060	599285,900	18°14'02"	105°56'21"	Các cột điện đặt tại mặt đất tự nhiên có cao độ từ 13,47m - 95,73m 13,47	Các cột điện có chiều cao từ 50m - 91m 72	G20A

STT	Số liệu cột	Hệ tọa độ VN2000 L=105°00', múi chiều 6°		Tọa độ trắc địa		Cao độ mặt đất tự nhiên tại các vị trí đặt cột (m)	Chiều cao các cột điện trong khoảng néo	Ghi chú
		X(m)	Y(m)	B (°'")	L (°'")			
	Các vị trí trụ trung gian bố trí dọc theo hướng tuyến từ T164 - T167					Các cột điện đặt tại mặt đất tự nhiên có cao độ từ 3,01m - 13,47m	Các cột điện có chiều cao từ 67m - 80m	
33	T167	2016695,870	597909,150	18°14'15"	105°55'34"	3,01	72	G21
	Các vị trí trụ trung gian bố trí dọc theo hướng tuyến từ T167 - T171					Các cột điện đặt tại mặt đất tự nhiên có cao độ từ 3,01m - 5,5m	Các cột điện có chiều cao từ 56m - 80m	
34	T171	2015774,120	596359,450	18°13'45"	105°54'41"	5,23	56	G21A
	Các vị trí trụ trung gian bố trí dọc theo hướng tuyến từ T171 - T174					Các cột điện đặt tại mặt đất tự nhiên có cao độ từ 5,23m - 78,8m	Các cột điện có chiều cao từ 55m - 75m	
35	T174	2015935,080	595147,400	18°13'50"	105°53'60"	78,8	56	G22
	Các vị trí trụ trung gian bố trí dọc theo hướng tuyến từ T174 - T176					Các cột điện đặt tại mặt đất tự nhiên có cao độ từ 30,99m - 78,8m	Các cột điện có chiều cao từ 56m - 118m	
36	T176	2016285,810	594264,480	18°14'02"	105°53'30"	64,78	80	G23
	Các vị trí trụ trung gian bố trí dọc theo hướng tuyến từ T176 - T180					Các cột điện đặt tại mặt đất tự nhiên có cao độ từ 16m - 64,78m	Các cột điện có chiều cao từ 58m - 103m	
37	T180	2016154,060	592359,350	18°13'58"	105°52'25"	34	58	G24
	Các vị trí trụ trung gian bố trí dọc theo hướng tuyến từ T180 - T184					Các cột điện đặt tại mặt đất tự nhiên có cao độ từ 34m - 177m	Các cột điện có chiều cao từ 52m - 83m	
38	T184	2015909,060	590718,520	18°13'50"	105°51'29"	73,21	52	G24A
	Các vị trí trụ trung gian bố trí dọc theo hướng tuyến từ T184 - T194					Các cột điện đặt tại mặt đất tự nhiên có cao độ từ 73,21m - 243,62m	Các cột điện có chiều cao từ 52m - 83m	
39	T194	2017611,490	586368,390	18°14'46"	105°49'01"	243,62	60	G25
	Các vị trí trụ trung gian bố trí dọc theo hướng tuyến từ T194 - T207					Các cột điện đặt tại mặt đất tự nhiên có cao độ từ 153,31m - 269,18m	Các cột điện có chiều cao từ 56m - 92m	
40	T207	2024097,690	583650,790	18°18'18"	105°47'30"	164,76	56	G26
	Các vị trí trụ trung gian bố trí dọc theo hướng tuyến từ T207 - T214					Các cột điện đặt tại mặt đất tự nhiên có cao độ từ 102,14m - 233,29m	Các cột điện có chiều cao từ 54m - 95m	
41	T214	2024938,650	579832,040	18°18'45"	105°45'20"	102,98	60	G26A

STT	Số hiệu cột	Hệ tọa độ VN2000		Tọa độ trắc địa		Cao độ mặt đất tự nhiên tại các vị trí đặt cột (m)	Chiều cao các cột điện trong khoảng néo	Ghi chú
		L=105°00' X(m)	múi chiều 6° Y(m)	B (°")	L (°")			
		Các vị trí trụ trung gian bố trí dọc theo hướng tuyến từ T214 - T217						
42	T217	2026180,450	578898,670	18°19'26"	105°44'48"	53,32 102,98m	76 Các cột điện có chiều cao từ 60m - 99m	G26B
		Các vị trí trụ trung gian bố trí dọc theo hướng tuyến từ T217 - T230						
43	T230	2029943,610	573523,390	18°21'29"	105°41'45"	65,5 135,35m	80 Các cột điện có chiều cao từ 55m - 91m	G27
		Các vị trí trụ trung gian bố trí dọc theo hướng tuyến từ T230 - T237						
44	T237	2029101,230	569788,830	18°21'02"	105°39'38"	21,91 213,6m	64 Các cột điện có chiều cao từ 50m - 87m	G27A
		Các vị trí trụ trung gian bố trí dọc theo hướng tuyến từ T237 - T256						
45	T256	2036472,070	562044,710	18°25'03"	105°35'15"	61,46 99,57m	76 Các cột điện có chiều cao từ 62m - 84m	G28
		Các vị trí trụ trung gian bố trí dọc theo hướng tuyến từ T256 - T257						
46	T257	2037153,650	562252,190	18°25'25"	105°35'22"	65,08 65,08m	62 Các cột điện có chiều cao từ 54m - 83m	G28A
		Các vị trí trụ trung gian bố trí dọc theo hướng tuyến từ T257 - T261						
47	T261	2039056,570	562561,910	18°26'27"	105°35'33"	15,7 27,71m	54 Các cột điện có chiều cao từ 50m - 75m	G29
		Các vị trí trụ trung gian bố trí dọc theo hướng tuyến từ T261 - T263						
48	T263	2040086,390	562488,300	18°27'00"	105°35'30"	5,82 66,09m	50 Các cột điện có chiều cao từ 50m - 79m	G30
		Các vị trí trụ trung gian bố trí dọc theo hướng tuyến từ T263 - T265						
49	T265	2041237,920	562239,230	18°27'38"	105°35'22"	66,09 66,09m	52 Các cột điện có chiều cao từ 52m - 60m	G31
		Các vị trí trụ trung gian bố trí dọc theo hướng tuyến từ T265 - T266						
50	T266	2041840,950	562278,190	18°27'57"	105°35'23"	3,38 66,09m	52 Các cột điện có chiều cao từ 52m - 60m	G32